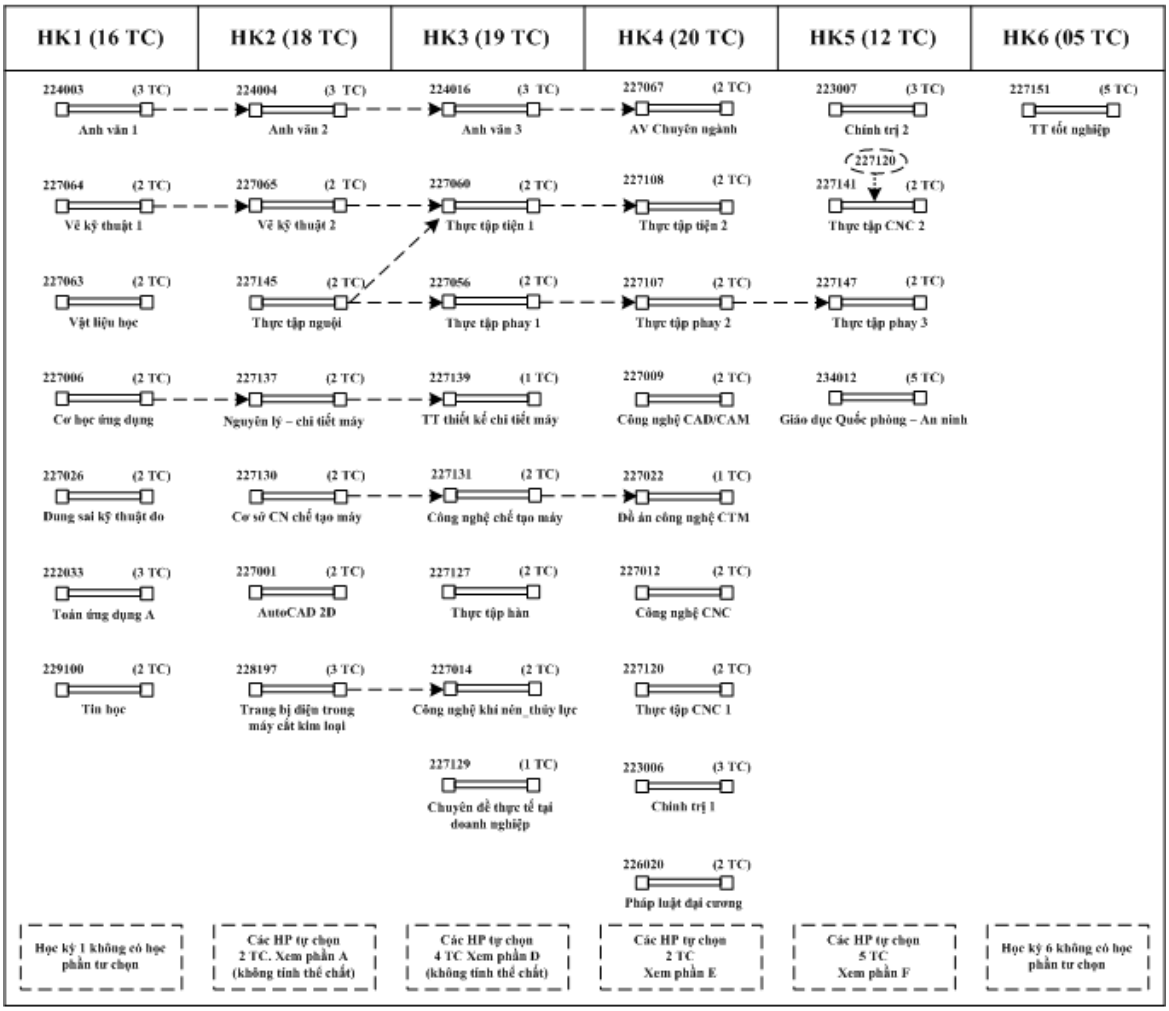
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY

(Áp dụng từ khóa 2017)

Số TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
Học kỳ 1: 16 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**16**	
1	222033	Toán ứng dụng A	3	
2	224003	Anh văn 1	3	
3	229100	Tin học	2	
4	227006	Cơ học ứng dụng	2	
5	227063	Vật liệu học	2	
6	227064	Vẽ kỹ thuật 1	2	
7	227026	Dung sai – Kỹ thuật đo	2	
Học kỳ 2: 18 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**16**	
8	224004	Anh văn 2	3	
9	227137	Nguyên lý – Chi tiết máy	2	
10	227130	Cơ sở Công nghệ Chế tạo máy	2	
11	227065	Vẽ kỹ thuật 2	2	
12	227001	Autocad 2D	2	
13	228197	Trang bị điện trong máy cắt kim loại	3	
14	227145	Thực tập Nguội	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
15.1	234002	Bóng chuyền 1	2	
15.2	234006	Bóng đá 1	2	
15.3	234007	Bóng rổ 1	2	
15.4	234008	Cầu lông 1	2	
15.5	234009	Aerobic 1	2	
Học phần tự chọn			**2**	
16.1	226035	Soạn thảo văn bản	2	
16.2	229030	Tin học văn phòng	2	
16.3	227073	Lập trình C++	2	
Học kỳ 3: 19 Tín chỉ (không tính học phần GDTC)				
Học phần bắt buộc			**15**	
17	227014	Công nghệ khí nén – thủy lực	2	
18	227131	Công nghệ Chế tạo máy	2	
19	227139	Thực hành Thiết kế Chi tiết máy	1	
20	224016	Anh văn 3	3	
21	227056	Thực tập Phay 1	2	
22	227060	Thực tập Tiện 1	2	
23	227127	Thực tập Hàn	2	
24	227129	Chuyên đề thực tế tại doanh nghiệp	1	

Học phần tự chọn			**2**	
25.1	222013	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	
25.2	226017	Môi trường và con người	2	
Học phần Giáo dục thể chất tự chọn			**2**	
26.1	234003	Bóng chuyền 2	2	
26.2	234010	Bóng đá 2	2	
26.3	234011	Bóng rổ 2	2	
26.4	234013	Cầu lông 2	2	
26.5	234014	Aerobic 2	2	
Học phần tự chọn			**2**	
27.1	227103	Tin học ứng dụng 1 (Inventor)	2	
27.2	227138	Solidworks	2	
27.3	227123	Catia	2	
Học kỳ 4: 20 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc			**18**	
28	227067	Anh văn chuyên ngành (Cơ khí)	2	
29	227022	Đồ án Công nghệ Chế tạo máy	1	
30	227009	Công nghệ CAD/CAM	2	
31	227012	Công nghệ CNC	2	
32	227108	Thực tập Tiện 2	2	
33	227107	Thực tập Phay 2	2	
34	227120	Thực tập CNC 1	2	
35	226020	Pháp luật đại cương	2	
36	223006	Chính trị 1	3	
Học phần tự chọn			**2**	
37.1	227149	Thực tập Tiện 3	2	
37.2	227142	Thực tập Hàn TIG – MAG	2	
37.3	227140	Thực tập Tháo lắp	2	
Học kỳ 5: 12 Tín chỉ (không tính học phần GDQP)				
Học phần bắt buộc			**7**	
38	227141	Thực tập CNC 2	2	
39	227147	Thực tập Phay 3	2	
40	234012	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	5	
41	223007	Chính trị 2	3	
Học phần tự chọn			**5**	
42.1	227089	Khóa luận tốt nghiệp (Cơ khí chế tạo máy)	5	
Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp				
42.2	227111	Thiết kế khuôn cho sản phẩm nhựa	3	
42.3	227069	Công nghệ khí nén – thuỷ lực nâng cao	2	
Học kỳ 6: 5 Tín chỉ				
Học phần bắt buộc				
43	227151	Thực tập tốt nghiệp (Cơ khí chế tạo máy)	5	

CÂY CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY (90 TC)
(Dùng cho khối Cao Đẳng 2017)



CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN

